

Bản án số: 123/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-12-2020  
*V/v ly hôn giữa bà D và ông B*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà:* Bà Phạm Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Kim Sơn
2. Ông Hồ Tấn Lợi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc D, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện Cần G, tỉnh Long An. *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

*2. Bị đơn:* Ông Tạ Quốc B, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp R, xã Long Hựu Đ, huyện C, tỉnh Long An. *(vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 21/9/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc D trình bày: bà và ông B cưới nhau vào năm 2010, do tìm hiểu tự nguyện, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2010 tại UBND xã P, huyện Cần G, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường tại xã P, huyện Cần G, tỉnh Long An, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không ai nhường nhịn ai dẫn đến cãi vã và mâu thuẫn ngày càng lớn, vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ông B cũng không có thiện chí hàn gắn với bà. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông B, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với ông B.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tạ Nhật N, sinh ngày 02/01/2011 hiện đang sống với bà từ lúc vợ chồng ly thân đến nay. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, hiện tại bà có thu nhập và nơi sống ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung. Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung. Bà D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Tạ Quốc B, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa họp lệ nhưng ông B không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Trúc D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Đối với ông Tạ Quốc B, Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa họp lệ nhưng ông B không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà D và ông B.

[2]. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Trúc D và ông Tạ Quốc B cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2010 tại UBND xã P, huyện Cần G, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo bà D trình bày do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hòa hợp, không nhường nhịn nhau dẫn đến cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn với nhau nên bà D yêu cầu ly hôn với ông B. Đối với ông B, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông B vẫn không đến Tòa án để giải quyết cho thấy ông B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà D và ông B đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông B.

[5]. Về nuôi con chung: bà D và ông B có 01 con chung tên Tạ Nhật N, sinh ngày 02/01/2011, khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay con chung

sống với bà D đang có cuộc sống ổn định, bà D đủ điều kiện nuôi con, nguyện vọng của cháu Nam cũng muốn sống với bà D nên bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp cần chấp nhận. Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Ông B không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu ông B có căn cứ chứng minh bà D hạn chế quyền thăm nom con hoặc không B đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[7]. Về tài sản chung bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung bà D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[8]. Về án phí: bà D phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc D về việc ly hôn đối với ông Tạ Quốc B .

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Trúc D được ly hôn với ông Tạ Quốc B .

Về nuôi con chung: bà D được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Tạ Nhật N, sinh ngày 02/01/2011. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Trúc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008782 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, bà D đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thùy Trang**